

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ
TÂN KHÁNH AN

Số: 03/BC-TKA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO Thường niên năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN**
- Tên tiếng anh: **TAN KHANH AN PACKAGING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **TAN KHANH AN JSC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900741212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 28/03/2006, cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 02/01/2019.
- Vốn điều lệ : 38.000.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 38.000.000.000 đ
- Địa chỉ: Đường D2, khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.514 527 - Số fax: 02383.852 094
- Website: www.tankhanhan.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): **TKA**

** Quá trình hình thành và phát triển.*

Từ năm 1967 đến đầu năm 2003, Nhà máy Thuốc lá Nghệ An (tiền thân của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An) chuyên sản xuất kinh doanh thuốc lá điếu và là đơn vị luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Nhà nước giao, góp phần vào sự phát triển công nghiệp nước nhà nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

Đến năm 2003, theo chủ trương của Chính phủ về việc tổ chức sắp xếp lại ngành sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước nhằm hạn chế tác hại của thuốc lá, Nhà máy Thuốc lá Nghệ An được sáp nhập vào Tổng công ty Công ty Khánh Việt (Khatoco), lấy tên là Nhà máy Thuốc lá Tân Khánh An. Năm 2006, Nhà máy sản xuất Bao bì nhựa được đầu tư với dây chuyền thiết bị đồng bộ và hiện đại được

nhập từ các nước công nghiệp như: Cộng hoà liên bang Đức, Ấn Độ, Đài Loan... đạt công suất 25 triệu sản phẩm/năm và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành. Từ tháng 02/2006, Nhà máy đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con, hạch toán độc lập.

Ngày 29/12/2017, Tổng Công ty Khánh Việt đã có Quyết định số 158/QĐ-HĐTV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An.

Tổng số lượng lao động đến nay đạt gần 245 người. Đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề và chuyên nghiệp, với thiết bị công nghệ hiện đại luôn thỏa mãn mọi nhu cầu về sản phẩm bao bì nhựa cho khách hàng.

*** Các mốc lịch sử đáng ghi nhớ:**

- Ngày 01/02/2006, Công ty TNHH MTV Tân Khánh An (trực thuộc Công ty Khánh Việt, hạch toán độc lập) được thành lập sau khi khánh thành nhà máy sản xuất bao bì nhựa với công suất 25 triệu sản phẩm/năm.

- Tháng 03/2010, Công ty TNHH MTV Tân Khánh An đầu tư thêm một số thiết bị nâng công suất nhà máy bao bì lên 30 triệu sản phẩm/ năm.

- Tháng 04/2014, Công ty tiếp tục đầu tư nâng công suất nhà máy bao bì lên 37 triệu sản phẩm/ năm.

- Ngày 15/10/2018, thực hiện Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 29/12/2017 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, Tổng Công ty Khánh Việt và Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An đã tiến hành chào bán 2.919.600 cổ phần lần đầu ra công chúng với kết quả như sau:

+ Giá đấu thành công bình quân: 15.500 đồng/ cổ phần.

+ Số lượng chứng khoán chào bán thành công: 22.000 cổ phần

- Ngày 01/12/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Kể từ ngày 28/12/2018, Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An chính thức được chuyển thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An (TKA), vốn điều lệ là 38.000.000.000 đồng (theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 2900741212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 28/03/2006, cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 02/01/2019).

- Ngày 29/10/2019, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 50/2019/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký 3.800.000 cổ phiếu.

- Ngày 26/12/2019, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận trở thành công ty đại chúng số 7713/UBCK-GSĐC.

- Ngày 03/06/2020, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - + Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì
 - + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán: hạt nhựa, giấy, phụ gia, manh dệt PP và các bán thành phẩm, thành phẩm của bao bì
 - + Mua bán phế liệu (trừ những loại gây ô nhiễm môi trường)
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - + Bốc xếp hàng hóa
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - + Cho thuê xe có động cơ: Chi tiết: Cho thuê xe ô tô
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - + Hoạt động tư vấn quản lý.
- Địa bàn kinh doanh: Trong nước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An được tổ chức và hoạt động tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

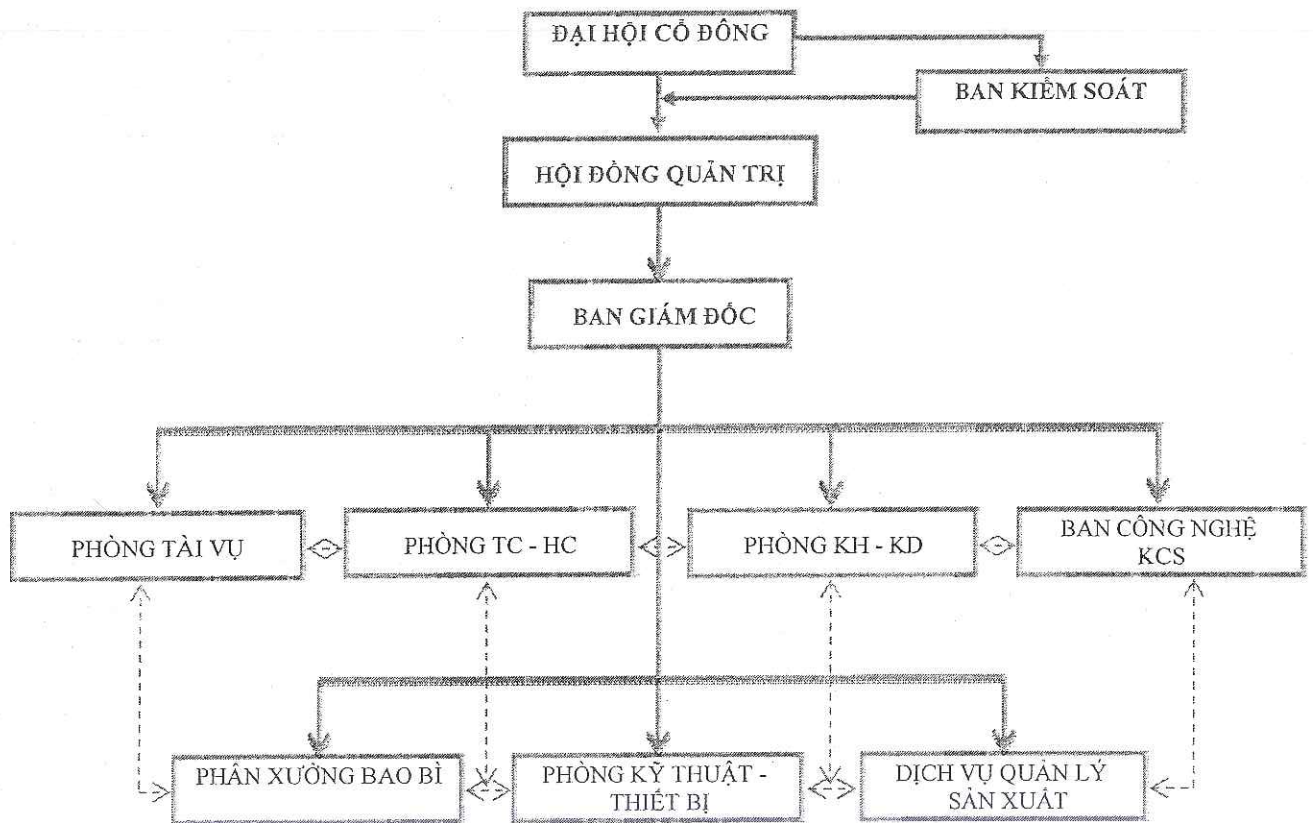
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, Điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị: có 03 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, làm đại diện cho Đại hội đồng Cổ đông, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: có 3 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo đúng quy định trong Điều lệ công ty, các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật.

- Ban điều hành: có 03 thành viên, điều hành hoạt động của Công ty trong đó đứng đầu là Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành nghề, trong đó tập trung lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất bao bì.

- Xây dựng Công ty vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo, có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi, đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung cao nhất các nguồn lực vào hoạt động sản xuất, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ và năng lực sản xuất. Xác định chất lượng sản phẩm làm nền tảng để phát triển thương hiệu trong nước và quốc tế.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, có hiệu quả, nâng cao niềm tin ở khách hàng.

- Tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm tỷ lệ phế liệu và sản phẩm hỏng ở các công đoạn, tiết kiệm lao động, nâng cao năng suất lao động để hạ giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tăng cường tìm kiếm các đối tác nước ngoài để tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Theo dõi chặt chẽ các thông tin tình hình biến động nguyên vật liệu, vật tư để tính toán thời điểm mua hàng, cân đối mức hàng tồn kho để lập kế hoạch sản xuất hợp lý.

- Tích cực đào tạo cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và giáo dục ý thức tự giác cho người lao động. Có chính sách giữ và thu hút người tài. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, tạo ra môi trường làm việc lành mạnh và tăng cường sức mạnh đoàn kết trong công ty.

- Đầu tư bổ sung thêm một số thiết bị để tăng công suất lên 40 triệu sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và cộng đồng dân cư địa phương.

- Đảm bảo trách nhiệm chia sẻ khó khăn với cộng đồng xã hội luôn hài hòa với sự phát triển của Công ty thông qua các hoạt động từ thiện như: chăm lo cho trẻ em khuyết tật, gia đình chính sách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

5. Các rủi ro:

- Công ty luôn có số dư nợ phải thu cao, thời gian nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm, dễ phát sinh nợ xấu và rủi ro về tài chính rất cao.

- Dây chuyền thiết bị của Công ty đã qua nhiều năm sử dụng và bắt đầu xuất hiện những lỗi kỹ thuật, phải thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng nên đã phần nào làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Yêu cầu của thị trường về sản phẩm bao bì ngày càng tăng cao và khắt khe trong khi các đối thủ cạnh tranh xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường đòi hỏi Công ty phải luôn nỗ lực phát triển không ngừng nhằm đáp ứng được các nhu cầu về sản phẩm của khách hàng.

- Bên cạnh đó Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... Đây là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	So sánh (%)	
					KH năm 2023	TH năm 2022
1	Sản lượng tiêu thụ bao bì	1000sp	34.600	38.830	112,2	105,2
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	175.000	182.581	104,3	97,2

3	Số thuế phát sinh phải nộp	Tr. đồng	5.700	7.153	125,7	142,9
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	12.300	13.520	109,9	106,0
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	9.800	10.805	110,3	105,9

Các chỉ tiêu năm 2023 so với kế hoạch sản xuất đều vượt kế hoạch đề ra, chỉ tiêu doanh thu đạt 97,2% nguyên nhân giá bán sản phẩm đầu ra giảm. Bên cạnh đó do chiến tranh Nga - Ukraina, xung đột dải Gaza, suy thoái kinh tế toàn cầu tác động lên nền kinh tế và làm cho tăng trưởng của Công ty không đạt được như kỳ vọng.

Trong năm công ty có sự dịch chuyển trong cơ cấu sản phẩm, tỉ trọng vỏ bao xi măng giảm gần 10% và tỉ trọng vỏ bao nông sản tăng 16,75% so với năm trước nên lợi nhuận sau thuế tăng gần 6%.

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tóm tắt lý lịch	Tổng số CP sở hữu
1	Phạm Thanh Hà	Giám đốc	- Giới tính: Nam - Ngày, tháng, năm sinh: 13/10/1970 - Nơi sinh: Hà Tĩnh - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ CM: Cử nhân khoa học ngành hóa - Địa chỉ thường trú: Khối 9, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	6.100
2	Trần Anh Giang	Phó giám đốc	- Giới tính: Nam - Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1974 - Nơi sinh: Nghệ An - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ CM: Cử nhân Kinh tế - Địa chỉ thường trú: Khối 6, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	4.100
3	Lê Văn Tuấn	Kế toán trưởng	- Giới tính: Nam - Ngày, tháng, năm sinh: 08/04/1982 - Nơi sinh: Nghệ An - Quốc tịch: Việt Nam	3.700

			- Trình độ CM: Cử nhân Kinh tế - Địa chỉ thường trú: Xóm 5, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành.

Trong năm 2023, Ban điều hành Công ty không có thay đổi so với năm 2022.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

a. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Số lượng người lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 245 người, trong đó:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học và Đại học	32	13,06
2	Cao đẳng, trung cấp	71	28,98
3	Trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	26	10,61
4	Lao động phổ thông	116	47,35
	Tổng	245	100,00

b. Chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhất định, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn phù hợp, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tinh thần tập thể cao. Các cán bộ quản lý phải có bằng cấp và kiến thức chuyên ngành vững chắc, kinh nghiệm công tác phong phú, đặc biệt đề cao tính chủ động, sáng tạo trong công việc và năng lực tổ chức, quản lý lãnh đạo nhóm.

Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả cán bộ, công nhân viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Công ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi cán bộ công nhân viên và luôn hết sức tạo điều kiện để họ có cơ hội tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác. Coi con người là tài sản quý giá nhất và là nhân tố cho sự phát triển, hướng tới

khuyến khích mỗi cá nhân phát triển và tin tưởng rằng sự tiến bộ của mỗi cá nhân sẽ thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

- Chính sách lao động, lương, thưởng, trợ cấp

Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo ra động lực khuyến khích mỗi cá nhân phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Công ty cũng thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, hiệu quả công tác và thực hiện bình xét, xếp loại lao động hàng tháng để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Mức thu nhập bình quân toàn Công ty trong năm 2022 đạt 7.700.000 đồng/người/tháng, năm 2023 đạt 7.800.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Hoàn thiện hệ thống PCCC : 350.468.109 VNĐ
- Đầu tư máy lạnh 200.000PTU-Model : 238.181.818 VNĐ
- Đầu tư xe nâng Mitsubishi : 507.000.000 VNĐ

- Ngoài ra, trong năm Công ty đã cải tạo sửa chữa các nhà kho cho thuê tổng trị giá: 1.007.077.500 VNĐ

Việc đầu tư phát triển của Công ty luôn được đặt trọng tâm và ưu tiên đầu tư cho phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nghiên cứu sản phẩm mới và thật sự cần thiết, cấp bách.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	101.330.798.038	88.964.264.141	-12.20
2	Doanh thu thuần	187.806.585.800	182.576.875.633	-2.78
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.725.243.111	13.503.912.185	+6.12
4	Lợi nhuận khác	24.804.209	16.462.295	-33.63
5	Lợi nhuận trước thuế	12.750.047.320	13.520.374.480	+6.04
6	Lợi nhuận sau thuế	10.198.637.857	10.805.259.585	+5.95
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	8%	0

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,85	2,28
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,17	1,59
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	47,36	38,19
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	89,96	61,79
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	5,14	5,49
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,90	1,92
4	Khả năng sinh lời			
	- Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	5,43	5,92
	- Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	19,38	19,95
	- Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	10,30	11,3
	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,78	7,40

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.800.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 3.800.000 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.531.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 269.000 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ		38.000.000.000	100

1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	1	31.865.000.00	83,86%
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	274	6.135.000.000	16,14%
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	1	31.865.000.00	83,86%
- Cổ đông cá nhân	274	6.135.000.000	16,14%
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	275	38.000.000.000	100
- Cổ đông nước ngoài	0	0	0
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	1	31.865.000.00	83,86%
- Cổ đông khác	274	6.135.000.000	16,14%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2023. vốn đầu tư của chủ sở hữu là 38.000.000.000 đồng, trong năm Công ty không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng sản lượng nguyên vật liệu chính liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh trong năm 2023 của Công ty là:

- Hạt nhựa PP: 2.473.425 kg

- Giấy Kraft: 1.826.091 kg

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Điện tiêu thụ năm 2023: 3.704.280 kwh

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty không sử dụng nước trong sản xuất. trong dây chuyền sản xuất chính của công ty chỉ dùng nước làm mát tuần hoàn. mà nước chủ yếu sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp nước Nghệ An
- Lượng nước sử dụng: 7.522 m³
- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân 245 người, mức thu nhập bình quân đối với người lao động là 7.800.000 đồng/lao động/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Hàng năm Công ty đều thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, tổ chức cho Người lao động đi nghỉ mát.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, mua bảo hiểm con người cho người lao động.

- Tổ chức bữa ăn ca cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Trong năm Công ty đã tổ chức huấn luyện cho 30 người thuộc đội PCCC cơ sở (có cấp chứng chỉ) và Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 260 lao động. Đào tạo tay nghề tại chỗ cho 6 công nhân lao động mới và 15 lượt tham dự do các tổ chức bên ngoài tổ chức.

- Ngoài ra Công ty còn tạo điều kiện về thời gian cũng như ngày công cho người lao động có nhu cầu đi học để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tích cực đóng góp vào các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng tại địa phương. Công tác an sinh xã hội trong năm công ty như sau:

+ Hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết: 8,4 triệu đồng;

+ Cơ sở bảo trợ Hiền Lương 8,05 triệu và xã Hưng Đông 5 triệu đồng

+ Hỗ trợ cho các tổ chức đoàn thể trong công ty để tổ chức các Ngày lễ 1/6 và Tết trung thu cho các cháu là con của Người lao động trong Công ty: 77 triệu đồng.

+ Chi tổ chức các phong trào thể dục thể thao chào mừng ngày đại hội Công đoàn cơ sở và ngày thành lập Tổng công ty: 21,2 triệu đồng.

12
T
Y
I
N
31
H
A
G
H

+ Ngoài ra, trong năm Công ty còn chi tiền nghỉ mát cho người lao động trong công ty hơn 350 triệu đồng

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	So sánh (%)	
					KH năm 2023	TH năm 2022
1	Sản lượng tiêu thụ bao bì	1000sp	34.600	38.830	112,2	105,2
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	175.000	182.581	104,3	97,2
3	Số thuế phát sinh phải nộp	Tr. đồng	5.700	7.153	125,7	142,9
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	12.300	13.520	109,9	106,0
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	9.800	10.805	110,3	105,9

Các chỉ tiêu năm 2023 đều vượt so với kế hoạch sản xuất đề ra đầu năm. Bên cạnh đó do chiến tranh, tỷ giá và chính sách của Nhà nước làm ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Trong năm công ty đã ổn định tâm lý người lao động, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững được thị trường.

- Công tác đầu tư, bảo dưỡng máy móc thiết bị, dự phòng vật tư trong sản xuất .v.v.. đã được quan tâm đúng mức. Cho nên, trong hoạt động sản xuất đã khai thác tốt công suất thiết bị, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thị trường.

- Đồng thời, cải tiến công tác quản lý theo từng công đoạn đảm bảo tính chuyên nghiệp, để định mức tiêu hao nguyên phụ liệu giảm hơn, kết hợp với thực hành tiết kiệm trong sản xuất để giá thành có sức cạnh tranh mà chất lượng vẫn ổn định.

- Công ty đã tổ chức tốt việc cập nhật thông tin thị trường nên những quyết định về xây dựng giá bán sản phẩm, chính sách khuyến mại phù hợp từng khách hàng.

- Điều chỉnh chính sách chiết khấu, chương trình khuyến mại và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nên đã thúc đẩy hệ thống các kênh phân phối gia tăng sản lượng bán ra.

- Tạo môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện, văn hóa doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện.

- Thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp với năng lực và hiệu quả công việc được giao.

2. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	88.710.471.186	77.527.004.656	-12,61
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.768.735.017	4.717.959.709	-1,06
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	50.861.472.107	49.379.140.696	-2,91
	- Hàng tồn kho	32.551.503.112	23.429.772.847	-28,02
	- Tài sản ngắn hạn khác	528.760.950	131.404	-99,98
2	Tài sản dài hạn	12.620.326.852	11.437.259.485	-9,37
	- Tài sản cố định	8.742.986.543	11.437.259.485	+30,82
	CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	101.330.798.038	88.964.264.141	-12,20
1	Nợ phải trả	47.986.604.093	33.978.303.457	-29,19
	- Nợ ngắn hạn	47.986.604.093	33.978.303.457	-29,19
	- Nợ dài hạn	0	0	
2	Vốn chủ sở hữu	53.344.193.945	54.985.960.684	+3,08
	CỘNG NGUỒN VỐN	101.330.798.038	88.964.264.141	-12,20

Nhìn chung: Tình hình tài chính Công ty trong năm 2023 lành mạnh, cơ cấu vốn khá an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

- Nợ phải thu của công ty là nợ phải thu ngắn hạn, không có nợ phải thu dài hạn

- Việc nợ phải thu quá hạn (chi tiết ở mục 4.5 trong thuyết minh Báo cáo tài chính) tăng làm cho công ty thiếu vốn lưu động dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, buộc công ty phải tăng vay ngân hàng và làm tăng chi phí lãi vay, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty

- Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả cuối năm chủ yếu là vay và nợ thuê tài chính. Tất cả các khoản nợ phải trả đều chưa đến hạn và đến hạn trả, không có nợ quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Với chỉ đạo của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, bổ sung thành lập các phòng ban cần thiết. thực hiện các chức năng kết hợp việc bố trí nhân lực hợp lý, thúc đẩy các mặt hoạt động của Công ty phát triển theo mục tiêu chung.

- Kiểm soát tốt việc sử dụng điện - nước, nguyên phụ liệu - vật tư - nhiên liệu không để phát sinh ngoài định mức; Quản lý an toàn thiết bị, an toàn lao động trong quá trình vận hành.

- Căn cứ kế hoạch sản xuất hàng năm để có những biện pháp cụ thể cho phù hợp với từng giai đoạn tuân thủ các chủ trương của Tổng công ty Khánh Việt và quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Dự kiến trong thời gian tới tiếp tục khó khăn cho sản xuất kinh doanh ngành bao bì nói riêng, bởi nền kinh tế trong nước tiếp tục chịu nhiều tác động tiêu cực các loại dịch bệnh, chiến tranh, cạnh tranh toàn cầu, cấm vận, lạm phát gây nên, kinh tế thế giới hồi phục chậm và không đồng đều, giá cả hàng hóa tăng, đứt gãy chuỗi cung ứng, đình trệ sản xuất, thách thức từ phía trước vẫn còn khó khăn rất nhiều, sự cạnh tranh khốc liệt thị trường bao bì, cho nên:

- Công ty phải nghiên cứu công nghệ sản xuất bao bì mới, cải tạo nhà xưởng nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đồng vốn của chủ sở hữu.

- Đổi mới công tác quản trị kinh doanh, tài chính, quản trị nhân sự cho phù hợp với sự phát triển của Công ty.

- Thực hiện chế độ lương thưởng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu về xử lý nước thải do Công ty hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh quy định, trồng cây xanh xung quanh khuôn viên của Công ty và vệ sinh môi trường làm việc ở khu vực văn phòng và các nhà xưởng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách đối với người lao động, tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất....

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Tích cực tham gia, đóng góp vào các hoạt động xã hội đối với cộng đồng địa phương khi có yêu cầu.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Mặc dù do suy thoái kinh tế, chiến tranh, lạm phát, Nhà nước thắt chặt tín dụng làm ảnh hưởng trầm trọng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng với sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An và Hội đồng quản trị năm 2023 Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã đề ra. Các phòng, ban, phân xưởng đã hoàn thành các chỉ tiêu cam kết theo phát động phong trào thi đua đầu năm của Ban giám đốc.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện đúng các của định của Nhà nước, thực hiện đúng các quy chế, nội quy do Công ty ban hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị đánh giá cao hoạt động của Ban giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban giám đốc đã tuân thủ pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Định kỳ Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo tài chính và Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm do Ban điều hành báo cáo. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, phát triển thị trường và công tác công nghệ chất lượng.

Giám đốc chủ động nắm bắt thời cơ, chỉ đạo điều hành quyết liệt trong công tác sản xuất kinh doanh nên kết quả năm 2023 đạt được kết quả nhất định, giảm thiểu được rủi ro trong sản xuất kinh doanh và khủng hoảng kinh tế mang lại.

- Triển khai thực hiện những chiến lược Hội đồng quản trị đề ra nhanh chóng và có hiệu quả.

- Đảm bảo việc làm cho 100% người lao động với mức thu nhập bình quân/người/tháng cao hơn năm 2022.

- Đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Về sản xuất: Ưu tiên cho sản xuất, bố trí sản xuất phù hợp, tiết giảm chi phí sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị để tăng năng suất lao động.

- Về sản phẩm: Nghiên cứu công nghệ sản xuất bao bì mới, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, dùng các loại phụ gia cải tiến công thức tỷ lệ phối liệu phối chế để hạ giá thành, ổn định chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

- Về kinh doanh: Tập trung vào sản phẩm bao bì có doanh số và lợi nhuận cao, duy trì và chăm sóc các khách hàng đã có, đồng thời tìm kiếm phát triển thêm thị trường vỏ bao xi măng để khai thác công suất dây chuyền bao xi măng,

điều tra khảo sát thị trường nước ngoài tiến tới xuất khẩu bao nông sản.

- Về tài chính: Quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát các khoản chi phí, công tác thu hồi công nợ phải được giám sát chặt chẽ, cập nhật phân loại nợ, đối chiếu và có phương án đòi nợ thường xuyên.

V. Quản trị công ty:

Công ty chưa phải là tổ chức niêm yết.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán:

Xem tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty đính kèm

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính của kiểm toán đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TKA

**NGƯỜI ĐẠO DIỄN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Phạm Thanh Hà



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

9 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hà	Thành viên
Ông Trần Anh Giang	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Việt Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Thanh Hà	Giám đốc
Ông Trần Anh Giang	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Phạm Thanh Hà, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2- Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Số: 43/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Lê Văn Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3303-2024-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.527.004.656	88.710.471.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.717.959.709	4.768.735.017
1. Tiền	111		4.717.959.709	4.768.735.017
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.379.140.696	50.861.472.107
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	55.258.813.038	53.108.684.766
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	309.292.974	292.226.438
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(6.188.965.316)	(2.539.439.097)
IV. Hàng tồn kho	140		23.429.772.847	32.551.503.112
1. Hàng tồn kho	141	4.4	23.429.772.847	32.551.503.112
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.404	528.760.950
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	511.071.301
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	131.404	17.689.649
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.437.259.485	12.620.326.852
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	4.6	11.437.259.485	8.742.986.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11.437.259.485	8.742.986.543
Nguyên giá	222		69.158.934.257	64.185.944.021
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.721.674.772)	(55.442.957.478)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.877.340.309
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	-	3.877.340.309
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.964.264.141	101.330.798.038

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.978.303.457	47.986.604.093
I. Nợ ngắn hạn	310		33.978.303.457	47.986.604.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	11.903.321.333	13.308.482.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.143.931	464.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	998.987.130	505.379.905
4. Phải trả người lao động	314		5.171.294.520	4.626.282.414
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	206.780.491	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	861.039.768	986.546.855
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	6.653.240.486	21.581.787.909
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.177.495.798	6.977.660.120
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.985.960.684	53.344.193.945
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	54.985.960.684	53.344.193.945
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.180.701.099	3.121.109.742
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.805.259.585	12.223.084.203
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	2.024.446.346
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.805.259.585	10.198.637.857
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.964.264.141	101.330.798.038



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	182.580.850.633	187.831.343.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	3.975.000	24.757.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.576.875.633	187.806.585.800
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	153.704.464.438	163.740.101.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.872.411.195	24.066.484.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	223.311.311	109.330.477
7. Chi phí tài chính	22	5.5	395.311.640	1.108.302.254
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>395.311.640</i>	<i>866.288.884</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	6.999.932.939	6.047.763.112
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	8.196.565.742	4.294.506.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.503.912.185	12.725.243.111
11. Thu nhập khác	31	5.8	41.433.315	37.528.825
12. Chi phí khác	32	5.9	24.971.020	12.724.616
13. Lợi nhuận khác	40		16.462.295	24.804.209
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.520.374.480	12.750.047.320
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.715.114.895	2.551.409.463
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.805.259.585	10.198.637.857
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.5	1.118	1.072
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.6	1.118	1.072



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.520.374.480	12.750.047.320
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.265.385.126	2.142.899.559
Các khoản dự phòng	03		3.649.526.219	208.893.062
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(173.657)	(735.125)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(223.137.654)	(97.255.352)
Chi phí lãi vay	06		395.311.640	866.288.884
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		19.607.286.154	15.870.138.348
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.638.391.605)	(1.526.335.950)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.121.730.265	(1.381.012.774)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(671.282.501)	(3.458.946.123)
Tiền lãi vay đã trả	14		(413.842.775)	(915.406.841)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.655.358.259)	(2.296.410.734)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.910.325.000)	(3.939.283.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.439.816.279	2.352.742.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(745.181.818)	(2.151.148.356)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(5.500.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		5.500.000.000	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		223.137.654	176.192.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(522.044.164)	25.043.982
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	98.639.417.136	129.925.578.152
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(113.567.964.559)	(126.286.487.307)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(3.040.000.000)	(4.560.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.968.547.423)	(920.909.155)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(50.775.308)	1.456.877.453
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.768.735.017	3.311.857.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		4.717.959.709	4.768.735.017



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp TNHH MTV Nhà nước (Công ty TNHH MTV Tân Khánh An) theo Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900741212 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 226/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 05 năm 2020 với mã chứng khoán TKA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 38.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt Đường D2 – KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 245 (31/12/2022: 260).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất bao bì và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. (Chi tiết: Sản xuất bao bì);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. (Chi tiết: Mua bán: hạt nhựa, giấy, phụ gia, manh dệt PP và các bán thành phẩm, thành phẩm của bao bì; Mua bán phế liệu trừ những loại gây ô nhiễm môi trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2023</u>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15	năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 15	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 – 10	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5	năm
▪ Khác	4 – 10	năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi được chủ sở hữu thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% đối với hoạt động này từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất bao bì và một khu vực địa lý chính là ở Việt Nam.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	392.931.370	445.937.807
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.325.028.339	4.322.797.210
Cộng	4.717.959.709	4.768.735.017

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	9.000.000.000	11.618.289.234
Công ty TNHH Cung ứng vật tư Đồng Lâm	7.451.604.440	9.378.131.400
Công ty Cổ phần xi măng Sông Gianh	7.297.668.000	6.502.140.000
Công ty Cổ phần Trung Hải Nghệ An Group	5.889.979.430	5.199.771.992
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	5.901.984.000	-
Các khách hàng khác	19.717.577.168	20.410.352.140
Cộng	55.258.813.038	53.108.684.766
Trong đó, Phải thu khách hàng là bên liên quan- Xem thêm mục 7	14.409.737	13.218.066

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu CBNV về BHXH	7.948.554	-	1.437.738	-
Ký quỹ, ký cược	136.241.295	-	211.376.650	-
Tạm ứng	119.462.868	-	76.099.753	-
Phải thu khác	45.640.257	-	3.312.297	-
Cộng	309.292.974	-	292.226.438	-

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.094.589.840	-	25.898.589.239	-
Công cụ, dụng cụ	117.482.932	-	160.500.035	-
Chi phí SXKD dở dang	1.312.603.963	-	2.145.351.582	-
Thành phẩm	2.905.096.112	-	4.347.062.256	-
Cộng	23.429.772.847	-	32.551.503.112	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.691.164.842	5.502.199.526	6.363.120.935	3.823.681.838
Cộng	11.691.164.842	5.502.199.526	6.363.120.935	3.823.681.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	9.000.000.000	4.500.000.000	Từ 1 - 2 năm	3.320.656.254	2.324.459.378	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Cổ Phần Thức ăn Chăn Nuôi Thiên Lộc	596.025.423	417.217.796	Từ 6 tháng - 1 năm	656.067.960	459.247.571	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Thanh Hóa	-	-	Đã thu hồi	624.803.816	437.362.671	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Nông Nghiệp Xanh	18.341.118	12.838.783	Từ 6 tháng - 1 năm	74.287.291	52.001.103	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty TNHH Chế biến nông lâm sản xuất khẩu Như Xuân	976.464.739	292.939.422	Từ 2 - 3 năm	976.464.739	488.232.369	Từ 1 - 2 năm
Công ty TNHH Chế biến nông lâm sản xuất khẩu Như Xuân	88.531.591	-	Trên 3 năm	88.531.591	26.559.477	Từ 2 - 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Trung	36.351.216	10.905.365	Từ 2 - 3 năm	36.351.216	18.175.608	Từ 1 - 2 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Trung	48.812.202	-	Trên 3 năm	58.812.202	17.643.661	Từ 2 - 3 năm
Công ty Sản xuất Vật liệu & Xây dựng Coveso I	362.465.265	-	Trên 3 năm	362.465.265	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Long Vũ	68.000.001	-	Trên 3 năm	68.000.001	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi Phủ Quý	96.680.600	-	Ngừng hoạt động	96.680.600	-	Ngừng hoạt động
Công ty TNHH MTV 1-5 Nghệ An	109.335.087	76.534.560	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần xi măng Tân Thắng	233.424.000	163.396.800	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Công ty TNHH Phân bón và Thương mại Thành An	56.733.600	28.366.800	Từ 1 - 2 năm	-	-	-
Cộng	11.691.164.842	5.502.199.526		6.363.120.935	3.823.681.838	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	14.412.651.326	45.995.221.774	3.203.239.717	298.001.487	276.829.717	64.185.944.021
Mua sắm trong năm	-	238.181.818	507.000.000	-	-	745.181.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	4.227.808.418	4.227.808.418
Tại ngày 31/12/2023	14.412.651.326	46.233.403.592	3.710.239.717	298.001.487	4.504.638.135	69.158.934.257
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	12.439.655.232	39.478.425.861	2.986.840.853	261.205.815	276.829.717	55.442.957.478
Khấu hao trong năm	424.962.788	1.598.817.720	130.049.759	19.191.816	105.695.211	2.278.717.294
Tại ngày 31/12/2023	12.864.618.020	41.077.243.581	3.116.890.612	280.397.631	382.524.928	57.721.674.772
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	1.972.996.094	6.516.795.913	216.398.864	36.795.672	-	8.742.986.543
Tại ngày 31/12/2023	1.548.033.306	5.156.160.011	593.349.105	17.603.856	4.122.113.207	11.437.259.485

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 5.182.667.955 VND – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.540.371.549 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	-	3.877.340.309
Cộng	-	3.877.340.309

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	1.291.605.816	1.291.605.816	1.045.264.338	1.045.264.338
Công ty cổ phần STAVIAN Hóa chất	-	-	2.502.000.000	2.502.000.000
Công ty TNHH thiết bị PCCC An Việt	544.934.601	544.934.601	1.896.583.907	1.896.583.907
Công ty TNHH Thành Dũng	2.434.245.766	2.434.245.766	3.111.085.908	3.111.085.908
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	1.598.384.712	1.598.384.712	992.004.456	992.004.456
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	2.116.670.290	2.116.670.290	256.452.480	256.452.480
Đối tượng khác	3.917.480.148	3.917.480.148	3.505.091.801	3.505.091.801
Cộng	11.903.321.333	11.903.321.333	13.308.482.890	13.308.482.890
Trong đó, Phải trả người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 7	-	-	4.840.000	4.840.000

4.9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí tiền điện	206.780.491	-
Cộng	206.780.491	-

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	292.279.100	286.279.100
Kinh phí công đoàn	-	76.636.352
Lãi vay phải trả	5.449.971	23.981.106
Phải trả khác	563.310.697	599.650.297
Cộng	861.039.768	986.546.855

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	431.042.271	16.360.879.686	15.929.837.415	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.067.786.708	1.067.786.708	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	131.404	-	-	-	131.404	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	565.136.541	2.715.114.895	2.655.358.259	-	505.379.905
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.808.318	518.692.120	498.325.557	17.558.245	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	131.404	998.987.130	20.665.473.409	20.154.307.939	17.689.649	505.379.905

4.12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Vinh (*)	6.653.240.486	6.653.240.486	56.831.017.158	59.452.561.534	9.274.784.862	9.274.784.862
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (**)	-	-	41.808.399.978	54.115.403.025	12.307.003.047	12.307.003.047
Cộng	6.653.240.486	6.653.240.486	98.639.417.136	113.567.964.559	21.581.787.909	21.581.787.909

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/8834746/HĐTD ngày 15/08/2023; Hạn mức vay 30.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là danh mục tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 01/2018/8834746/HĐTC ngày 18/4/2018, 02/2018/8834746/HĐTC ngày 14/11/2018, 05/2021/8834746/HĐBĐ ngày 22/09/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	38.000.000.000	2.046.174.235	11.866.673.520	51.912.847.755
Lãi trong năm trước	-	-	10.198.637.857	10.198.637.857
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.207.291.667)	(4.207.291.667)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.074.935.507	(1.074.935.507)	-
Chia cổ tức	-	-	(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	38.000.000.000	3.121.109.742	12.223.084.203	53.344.193.945
Lãi trong năm nay	-	-	10.805.259.585	10.805.259.585
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(5.962.242.846)	(5.962.242.846)
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (*)	-	-	(161.250.000)	(161.250.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	3.059.591.357	(3.059.591.357)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(3.040.000.000)	(3.040.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	38.000.000.000	6.180.701.099	10.805.259.585	54.985.960.684

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 42/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	31.865.000.000	31.865.000.000
Các đối tượng khác	6.135.000.000	6.135.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000

4.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

4.13.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.805.259.585	10.198.637.857
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.555.000.000)	(6.123.492.846)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.250.259.585	4.075.145.011
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.118	1.072

4.13.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.805.259.585	10.198.637.857
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.555.000.000)	(6.123.492.846)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.250.259.585	4.075.145.011
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.800.000	3.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.118	1.072

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 42/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 42/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023.

4.13.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 42/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 thông qua việc chia cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 8% vốn điều lệ, tương đương 3.040.000.000 VND.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 91/NQ-HĐQT ngày 06/09/2023 thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2022, theo đó ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức: 03/10/2023, tỷ lệ chi trả: 8%/ cổ phần, ngày chi trả cổ tức: 17/10/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	3.121.109.742
Trích trong năm	3.059.591.357
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>6.180.701.099</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán bao bì, vật liệu bao bì	173.626.061.823	178.736.639.887
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.954.788.810	9.094.703.113
Cộng	<u>182.580.850.633</u>	<u>187.831.343.000</u>
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	8.844.791.919	8.937.972.870

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm giá hàng bán	3.975.000	24.757.200
Cộng	<u>3.975.000</u>	<u>24.757.200</u>

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bao bì, vật liệu bao bì	148.103.948.159	157.919.140.801
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.600.516.279	5.820.960.566
Cộng	<u>153.704.464.438</u>	<u>163.740.101.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	223.137.654	97.255.352
Chiết khấu thanh toán	-	11.340.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	173.657	735.125
Cộng	223.311.311	109.330.477

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	395.311.640	866.288.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán	-	242.013.370
Cộng	395.311.640	1.108.302.254

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	1.447.798.911	1.123.561.653
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.853.092	123.853.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.251.734.810	2.268.332.849
Chi phí bằng tiền khác	3.176.546.126	2.532.015.518
Cộng	6.999.932.939	6.047.763.112

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.279.079.788	2.147.023.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.202.596	150.160.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.464.660	67.464.660
Chi phí dự phòng	3.649.526.219	208.893.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.582.456	363.036.974
Chi phí bằng tiền khác	1.544.710.023	1.357.928.531
Cộng	8.196.565.742	4.294.506.433

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu phạt vượt định mức hao hụt vật tư	32.186.161	37.506.824
Xử lý công nợ	466.930	22.001
Các khoản khác	8.780.224	-
Cộng	41.433.315	37.528.825

5.9. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	23.768.300	12.692.000
Các khoản khác	1.202.720	32.616
Cộng	24.971.020	12.724.616

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.520.374.480	12.750.047.320
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	49.200.000	7.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	49.200.000	7.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	13.569.574.480	12.757.047.320
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.715.114.895	2.551.409.463
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	2.713.914.895	2.551.409.463
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.200.000	-

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.001.700.795	125.346.060.407
Chi phí nhân công	32.964.655.592	30.892.507.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.265.385.126	2.142.899.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.609.100.903	9.559.832.598
Chi phí khác bằng tiền	4.781.484.810	3.959.587.221
Cộng	161.622.327.226	171.900.887.706

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	98.639.417.136	129.925.578.152
Cộng	98.639.417.136	129.925.578.152

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	113.567.964.559	126.286.487.307
Cộng	113.567.964.559	126.286.487.307

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

- Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV
- Công ty TNHH Thương mại Khatoco
- Nhà máy thuốc là Khatoco Nghệ An
- Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hoà
- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Công ty con cùng tập đoàn
 Chi nhánh của công ty mẹ
 Chi nhánh của công ty mẹ
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu / phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng Công ty TNHH Thương mại Khatoco	14.409.737	13.218.066
Cộng - Xem thêm mục 4.2	14.409.737	13.218.066

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	-	4.840.000
Cộng - Xem thêm mục 4.8	-	4.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cho thuê mặt bằng		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	696.463.703	648.690.816
Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An	950.000.000	950.000.000
Cung cấp dịch vụ quản lý sản xuất thuốc lá		
Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An	7.198.328.216	7.339.282.054
Cộng - Xem thêm mục 5.1	8.844.791.919	8.937.972.870

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng, nguyên vật liệu và phụ tùng		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	98.940.000	99.761.111
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	100.936.400	53.253.500
Cộng	199.876.400	153.014.611

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi trả cổ tức, chuyển lợi nhuận		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	2.549.200.000	3.823.800.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hà Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Việt Đức	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

Tiền lương của các thành viên Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Thanh Hà	Giám đốc	582.800.000	516.000.000
Ông Trần Anh Giang	Phó Giám đốc	437.100.000	387.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê hạ tầng, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.575.309.091	1.015.454.545
Cộng	<u>1.575.309.091</u>	<u>1.015.454.545</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.045.000.000	1.045.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.612.500.000	3.657.500.000
Cộng	<u>3.657.500.000</u>	<u>4.702.500.000</u>

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động và phụ lục. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 40 năm. Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	541.158.382	541.158.382
Cộng	<u>541.158.382</u>	<u>541.158.382</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	644.963.220	644.963.220
Trên 1 năm đến 5 năm	2.579.852.880	2.579.852.880
Trên 5 năm	9.414.671.447	10.059.634.668
Cộng	<u>12.639.487.548</u>	<u>13.284.450.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Người lập

